

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 61/2023/HS-PT
Ngày: 28 - 6 - 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhài.

- *Các thẩm phán:* 1. Ông Đặng Minh Tuấn
2. Ông Nguyễn Mạnh Toàn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Khánh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:**
Bà Dương Thị Thu Hiền, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 43/2023/TLPT- HS ngày 28/4/2023 do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSST ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

*** Bị cáo bị kháng nghị :**

1. Nông Văn L, tên gọi khác: không; sinh ngày 16/10/1990.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm B, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn K (đã chết) và bà Nông Thị V; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại bản án số 40/HSST ngày 11/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nông Văn L 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Tại bản án số 06/ HSST ngày 27/3/2015, Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nông Văn L 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với 36 tháng tù của bản án số 40/HSST ngày 11/12/2014 của Tòa án nhân dân

huyện Võ Nhai, buộc bị cáo chấp hành chung cho cả hai bản án là 48 tháng tù. Ra trại ngày 04/6/2018.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T cử:* Ông Nguyễn Đình S - Luật sư, Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T - (Có mặt).

2. Nông Văn H, tên gọi khác: không; sinh ngày 27/4/1991.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm B, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn H1 và bà Nông Thị Đ; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 210/2022/HSST ngày 28/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 14 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án này. Hiện đang chấp hành án của bản án số 210/2022/HSST tại Trại giam S1, Bộ C3. (Có mặt)

3. Hà Thành T, tên gọi khác: không; sinh ngày 15/7/2002.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm N, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Thanh T1 và bà Ma Thị C; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T cử:* Ông Phùng Văn T2 - Luật sư, Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T - (Có mặt).

*** Bị hại:**

1. Ông Hà Văn P, sinh năm 1975 và bà Nông Thị H2, sinh năm 1977; đều trú tại: Xóm B, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. (Ông P vắng mặt, bà H2 có mặt).

2. Ông Triệu Tiến L1, sinh năm 1979 và bà Bàn Thị Đ1, sinh năm 1978; đều trú tại: Xóm K, xã V, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. (Đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Anh Triệu Xuân L2, sinh năm 1993 và bà Lý Thị N, sinh năm 1993; đều trú tại: Xóm T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. (Đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Lưu Văn C1, sinh năm 1962; trú tại: Xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân không có công việc ổn định và nghiện ma túy nên khoảng đầu tháng 6 năm 2022 Nông Văn L, Nông Văn H và H T gặp nhau và bàn bạc việc đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. H nói, trước đây H đi làm ăn ở tỉnh Lào Cai nên biết làm thế nào để phá kết sắt của người dân, H bảo L và T xem thấy gia đình nào có kết sắt thì sẽ cùng nhau đi phá kết để lấy tiền, L và T đồng ý. Cả ba bàn bạc đợi đến phiên chợ xã N sẽ đi trộm cắp, vì khi đó các gia đình sẽ đi chợ nên vắng mặt tại nhà. Sau khi bàn bạc, L và H đi đến cửa hàng tạp hoá của anh Vũ Công H3, sinh năm 1976, trú tại xóm T, xã C, huyện V mua 02 chiếc xà cày bằng kim loại, 1 đầu dẹt, 1 đầu uốn cong để làm dụng cụ phá kết sắt. Sau khi mua xong L, H, T đến nhà ông Hà Văn T3, sinh năm 1977 ở xóm N, xã N chơi và ở đó, H giấu 2 chiếc xà cày trong bao tải dưa màu đỏ ở ngoài vườn.

Khoảng 8 giờ ngày 10/6/2022 là phiên chợ xã N; L nói biết nhà anh Hà Văn P có vợ là Nông Thị Hồng cư trú tại: Xóm B, xã N (tại địa phương thường gọi là Bó Hoàng vì con trai anh P tên là H1) gần nhà L có kết sắt và nhà đang làm nên chưa có cửa, cả ba thống nhất đến nhà anh P để trộm cắp tài sản. Sau đó H lấy bao tải bên trong có 02 thanh xà cày để vào giá đỡ chân của xe mô tô HONDA WAVE màu trắng không có biển kiểm soát chờ L, T đến nhà anh P. Trên đường đi cả ba người thống nhất khi đến nhà anh P thì T ở dưới cảnh giới, L đi lên nhà gọi nếu không ai ở nhà thì L và H sẽ thực hiện việc trộm cắp tài sản. Khi đến nơi H dừng xe cách nhà anh P khoảng 5m, L đi đến chân cầu thang gọi hai lần “*anh H1 có ở nhà không cho em xin ít giun câu cá*”, không thấy có người trả lời, L gọi bảo H mang hai thanh xà cày đến rồi cùng nhau đi lên cầu thang vào gian nhà chính của nhà anh P. L, H cùng đi vào căn phòng ngủ tại góc nhà phía trong bên phải của nhà anh P. Tại góc phía trong bên trái từ cửa phòng nhìn vào có kê 01 kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp KV86, vì kết kê sát tường và hòm gỗ ở cạnh nên không cạy kết được, cả hai đã cùng nhau dịch chuyển kết ra khoảng trống gần cửa và đặt kết sắt nằm ngửa phần cửa khóa lên trên. Sau đó cả hai dùng đầu dẹt của thanh xà cày chọc mạnh vào khe hở giữa cánh cửa kết và khung thân kết. Khi chọc được vào thì tựa lực bẩy mạnh, dùng đầu cong của xà cày cạy, khiến cho thân kết bị lõm, khóa bị bật và cửa kết bị mở. Cả L và H quan sát ở ngăn rộng thấy chỉ có giấy tờ, sổ sách, không có tiền, tiếp tục nhìn thấy

có một ngăn khóa nhỏ cả hai đã dùng xà cầy chọc vào ổ khóa mở ra thấy bên trong có 01 tập tiền gồm nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng buộc bằng dây nịt và 01 tập tiền gồm các tờ tiền mệnh giá khác nhau. L cầm tập tiền gồm các tờ mệnh giá 500.000 đồng; H cầm tập tiền còn lại cất vào trong người rồi cả hai đóng cửa kết, cùng nhau dựng kết lại vị trí cũ. Sau đó, cả hai đi xuống xe, lúc này T đang đứng ở gần bờ ruộng cảnh giới thấy thế đã quay về, H điều khiển xe chở L, T, mang theo xà cầy dựng trong bao tải và đi về theo hướng đi ban đầu. Khi đi qua đoạn gần nhà, L bảo H dừng xe để về nhà lấy quần áo. Khi vào nhà L đếm tập tiền có 20.000.000 đồng, L đã tách ra thành hai phần, mỗi phần 10.000.000 đồng và cất vào 2 túi quần đang mặc rồi đi ra gặp T, H. Trong lúc đợi, H cũng đếm số tiền trộm trong két nhà anh P thấy có 1.000.000 đồng. Khi L đi ra cả ba đi về hướng xã S, trên đường đi T bảo H đưa cho T 500.000 đồng thì H đã lấy tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng trong tổng số tiền vừa chiếm đoạt được đưa cho T. Trên đường đi thì H dừng xe để cả ba đi xuống bờ suối ven đường để sử dụng ma túy, L đưa cho H một tập tiền đếm thấy có 10.000.000 đồng, H cất vào túi quần. Sau đó các đối tượng tiếp tục đi về hướng xã S để ra xóm L, xã L để tìm mua ma túy. Cả ba đến nhà ông Lưu Văn C1, sinh năm 1962, cư trú tại: Xóm C, xã L, huyện V để lấy chiếc xe mà L đã gửi tại nhà ông C1 trước đó. Tại đây, H đưa cho L tổng số tiền là 4.800.000 đồng và đưa cho T thêm 500.000 đồng trong tổng số tiền chiếm đoạt được của nhà anh P mà H đang cầm. Sau khi nhận tiền L đưa cho ông C1 số tiền 3.500.000 đồng để xin lại xe đã gửi tại nhà ông C1. Sau đó cả L, H, T về nhà L ăn cơm, đến tối H và T rủ nhau về lấy quần áo, sau đó quay trở lại nhà L. Trong những ngày tiếp theo cả ba thường xuyên sử dụng số tiền đã trộm cắp để tìm mua ma túy, để tránh sự phát hiện của cơ quan Công an cả ba thường trốn trên rừng.

Ngày 15/6/2022 cả L, H, T đi đến xã C, đến khoảng 14 giờ cả ba đi xe khách của nhà xe Tùng C2 quay trở lại xã N. Khi đi đến đoạn đường rẽ đi xóm K, xã V cả ba xuống xe mục đích đi vào trong xóm xem có ai sở hữ thì thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khi xuống xe, H đưa cho T 100.000 đồng, L đưa cho T 50.000 đồng, T đã vào quán nước ven đường mua mì tôm, lương khô, nước hết 150.000 đồng. Sau đó cả ba đi bộ khoảng 2km và lên khu rừng gần đó để nghỉ ngơi. Tại đây L, H, T thống nhất về cách thức chia tài sản sau khi trộm cắp được như sau: T chỉ thực hiện việc trông đường, canh gác nên nhận được 20% số tiền chiếm đoạt được; H và L là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên được chia mỗi người 40% lợi ích. Do trời mưa nên đến khoảng 22 giờ L, T, H đã di chuyển đến điểm phân trường Mầm Non X để trú mưa. H mở cửa thấy phòng bếp của nhà trường không khóa nên cả ba đã đi vào đó ngủ, đến sáng ngày 16/6/2022 cùng ngủ dậy nấu mì ăn.

Trong lúc này Hải quan sát qua ô kính cửa gian bếp thấy nhà anh Triệu Tiến L1 có vợ là Bàn Thị Đ1 ở đối diện phía bên kia đường (cách khoảng 40m) chỉ có 2 người ở nhà. Cả ba bàn bạc cùng theo dõi khi nào nhà anh L1 không có ai ở nhà thì thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trưa ngày 16/6 con trai anh L1 đi ra khỏi nhà, đến khoảng 15 giờ anh L1 dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, SIRIUS, biển kiểm soát 20D1 - 105.35 từ chân cầu thang vào dựng ở gầm sàn nhà, sau đó cất chìa khóa xe trong túi đựng hồ sơ để ở trong ngăn dưới của chiếc tủ gỗ kê bên phải bàn thờ trên sàn nhà, sau đó anh L1 dắt trâu đi chăn, cửa bếp chỉ cài then. Thấy anh L1 đi khuất, L, T, H đi sang nhà anh L1 để thực hiện việc trộm cắp tài sản. H đi lên cầu thang và mở cửa vào gian bếp, L cũng đi lên theo rồi cả hai đi vào trong nhà chính thông với bếp, T đi lên đồi cây cách nhà khoảng 20m đứng canh giới. Khi vào nhà L và H dùng xà cày mở khóa hòm gỗ để sát vách tường đối diện cửa ra vào nhưng không có gì, H lục tìm tại tủ gỗ kê gần bàn thờ thấy chìa khóa xe bên trong túi đựng hồ sơ. L tìm tại khu vực ngủ ở sát bên phải cửa ra vào phát hiện thấy tại túi áo ngực mặt trong của chiếc áo khoác màu đen treo ở đỉnh gắn trên vách có một ví giả da, bên trong tại ngăn không khóa có 970.000 đồng, ngăn bên trong có khóa chứa 5.000.000 đồng. L đã lấy số tiền cất vào túi quần còn ví để lại vị trí ban đầu. Tiếp đó L nhìn thấy trên mặt sàn sát chân vách tường cửa ra vào nhà có 01 điện thoại di động nhãn hiệu V - Smart màu trắng đang cắm dây sạc pin, L đã cầm điện thoại cất vào trong túi quần. Sau đó L và H đi xuống cầu thang, cả hai nhìn thấy chiếc xe mô tô của anh L1 đang dựng dưới gầm sàn nên đã bàn bạc cùng nhau trộm cắp chiếc xe trên, thấy xe bị khóa, H đi lên tủ gỗ gần bàn thờ lấy chìa khóa xe bên trong túi đựng hồ sơ sau đó đi xuống cắm vào ổ khóa điện của xe, H nổ máy xe, gọi T xuống đường bê tông rồi cả ba đi về hướng xã L. Khi đi đến khu vực gần xóm L cả ba dừng lại, L nói với H và T là chiếm đoạt được 970.000 đồng. L chia cho H 400.000 đồng; chia cho T 170.000 đồng. T nhận xong đưa hết cho H, số tiền còn lại là 5.400.000 đồng L giữ. Sau đó cả ba đi đến nhà ông C1 để đổi chiếc xe vừa trộm được của nhà anh L1 cho ông C1 để lấy lại chiếc xe HONDA Wave của H để khi di chuyển không bị phát hiện. Do L giữ chiếc điện thoại của anh L1 nên đã chia thêm cho H 200.000 đồng trong tổng số tiền vừa chiếm được. Sau đó H dùng xe mô tô của mình chở L và T đi về xã T để tiếp tục trộm cắp tài sản, khi đang đi thấy có một ngôi nhà hoang gần đường cả ba đã vào đó ngủ qua đêm.

Khoảng 09 giờ ngày 17/6/2022 sau khi thức dậy L, H, T đã cùng nhau đi về hướng xã S bằng xe mô tô của H đến địa phận xóm T, xã S để xem có gia đình nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi đến quán bán tạp hóa của anh Triệu Xuân L2 có vợ là Lý Thị N thì cả ba rẽ vào quán. Lúc này trong quán chỉ có cháu Triệu Nguyên

D, sinh năm 2014 và cháu Triệu Kiều H4, sinh năm 2021 là con anh L2 ở nhà. Cả ba vào hỏi mua của cháu D mỗi người một que kem và ăn tại quán. Trong quá trình ăn qua nói chuyện L, H, T biết gia đình chỉ có hai cháu nhỏ ở nhà, không có người lớn. Sau đó L, H, Tân tự luộc trứng và nấu mì tôm ăn. Nhận thấy các cháu nhỏ đang mãi chơi nên H đã lục tìm trong tủ tôn kê bên phải cửa ra vào nhà thấy có 01 ví giả da màu đen bên trong có 600.000 đồng, H rút lấy 300.000 đồng và đưa cho T. L và Hải quan sát thấy bên trong nhà anh L2 có két sắt nên đã bảo T rủ các cháu nhỏ đi tắm suối để L, H phá két lấy tiền. Ban đầu T rủ nhưng các cháu nhỏ không đi, sợ có người lớn về nên H đã bảo T chở ra bãi cây cách quán khoảng 1km nằm ngủ. Khi T quay lại các cháu nhỏ lại đồng ý đi bơi ở suối cách quán khoảng 200m nên T đã đi xe ra đón H quay trở lại quán. Sau đó, T đi cùng với các cháu nhỏ ra suối, H và L giả vờ đi theo một đoạn thì quay lại. Do trước khi đi T đã thấy cháu D khóa cửa và treo chìa khóa ở kệ hờ gần cửa nên đã chỉ cho L và H. Khi các cháu nhỏ đi khuất L lấy chìa khóa mở cửa, H cầm theo bao đựng 02 thanh xà cày rồi cả hai cùng vào nhà. Đến vị trí ở gần cột cạnh giường ngủ để két, cả hai vắn cho két nằm ngửa khóa lên phía trên và sử dụng thanh xà cày chọc, cạy khiến khóa cửa két bung ra. Tại ngăn lớn không có gì, cả hai tiếp tục phá khóa ngăn nhỏ thấy bên trong có một túi ni lon màu đỏ bên trong có nhiều tập tiền nhỏ được buộc chung lại với nhau bằng dây nịt cao su. H cất tập tiền vào trong túi quần rồi cả hai dựng két lên và để về vị trí cũ. Cả hai đi ra, khóa cửa lại như cũ rồi H điều khiển xe chở L đi ra đón T và đi về hướng xã S Đi khoảng 15km L nhớ ra quên điện thoại đang sạc tại quán nên đã bảo T quay lại lấy điện thoại còn L và H đi xuống gần nương nước đọt. Tại đó H và L đếm số tiền vừa chiếm đoạt được là 185.000.000 đồng. H và L thống nhất sẽ nói với T, cả hai chiếm đoạt được số tiền là 51.000.000 đồng và sẽ chia cho T 10.000.000 đồng. H đưa L tổng số tiền là 82.500.000 đồng số còn lại 92.500.000 đồng H giữ, sau khi T đến H đưa cho T 10.000.000 đồng. Sau đó cả ba đi ra nhà ông C1 mục đích để lấy lại chiếc xe mô tô mà cả ba đã trộm cắp của anh L1, tại đây H tự đưa cho ông C1 2.200.000 đồng để lấy lại xe đã gửi trước đó. Sau khi đưa tiền cho ông C1 xong, cả ba vẫn tiếp tục gửi chiếc xe trên tại nhà ông C1 và đi tìm mua ma túy sử dụng.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản các gia đình bị hại là ông Hà Văn P, ông Triệu Tiến L1 và ông Triệu Xuân L2 đã có đơn trình báo cơ quan Công an.

Khoảng 16 giờ ngày 17/6/2022 qua điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã xác định T, H, L là các đối tượng nghi vấn nên triệu tập các đối tượng đến làm việc. Khi Tổ công tác đi đến đoạn đường cách nhà ông C1 khoảng 600m đã gặp L, H, T đang đi ở đường. Thấy Tổ công tác H lo sợ đã mang theo toàn bộ tiền đang giữ bỏ chạy; còn L và T đã được triệu tập đến Công an huyện V để làm việc.

Quá trình làm việc L và T đã giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu trắng không có biển kiểm soát; L đã giao nộp 93.640.000 đồng, 01 ví giả da màu đen; 01 điện thoại di động vỏ màu trắng nhãn hiệu V - Smart trong máy có 01 thẻ sim; 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA 1280 vỏ màu đen trong máy có 01 thẻ sim. T giao nộp số tiền 8.935.000 đồng.

Đối với Nông Văn H sau khi bỏ chạy đã đi về hướng thành phố T, rồi đến cửa hàng Thế giới di động tại phường C, thành phố T mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO màu cam với giá 8.490.000 đồng. Sau đó, H đến sống lang thang tại khu vực bến xe khách T và đã sử dụng số tiền chiếm đoạt của gia đình anh L2 để mua ma túy, đồ dùng sinh hoạt của những người không quen biết. Ngày 24/6/2022 H đến địa bàn xã Y, huyện G, Hà Nội để tìm việc làm thì bị bắt giữ về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, H đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, thành phố Hà Nội số tiền 23.500.000 đồng; 01 ví giả da màu nâu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 7 màu vàng. Ngày 03/7/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, thành phố Hà Nội đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nông Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Ngày 28/11/2022 Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt H 14 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại bản án số 210/2022/HS-ST.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09 ngày 23/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, kết luận: Giá trị của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 20D1 - 105.35 là 13.500.000 đồng; giá trị của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu V-smart là 1.550.000 đồng. Tổng giá trị còn lại của các tài sản là: 15.050.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15 ngày 28/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: Giá trị của chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp loại KV 85 là 360.000 đồng; giá trị của chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp loại KV 86 là 570.000 đồng.

Vật chứng đã thu giữ:

Ngày 17/6/2022 Hà Thành T, Nông Văn L đã giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu trắng không có biển kiểm soát; Nông Văn L giao nộp 93.640.000 đồng, 01 ví giả da màu đen, 01 điện thoại di động vỏ màu trắng nhãn hiệu V - Smart trong máy có 01 thẻ sim, 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA 1280 vỏ màu đen trong máy có 01 thẻ sim; H Tân giao nộp 8.935.000 đồng.

Ngày 24/6/2022 Nông Văn H đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G 23.500.000 đồng; 01 ví giả da màu nâu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu

OPPO RENO 7 màu vàng. Ngày 06/9/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã bàn giao toàn bộ tài sản mà H giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V.

Ngày 17/6/2022 ông Lưu Văn C1 đã giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, biển kiểm soát 20D1 - 105.35 và 2.200.000 đồng.

Ngày 18/6/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 áo khoác màu đen, 01 khuy kim loại kích thước 02x02cm, 01 chai nước nhãn hiệu AQUAFINA bên trong có khoảng 0,5 lít chất lỏng nghi là nước; 02 thanh xà cày kim loại một thanh dài 90cm, 01 thanh dài 70cm, cả hai thanh đều có 01 đầu dẹt, 01 đầu cong đựng trong bao tải dứa màu đỏ;

Ngày 10/11/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại cho anh Triệu Tiến L1 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, biển kiểm soát 20D1 - 105.35; 01 điện thoại di động vỏ màu trắng nhãn hiệu V – Smart trong máy có 01 thẻ sim; 01 áo khoác màu đen, 01 khuy kim loại kích thước 02x02 cm; 01 chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 003764 mang tên Triệu Tiến L1, biển số đăng ký 20D1 - 105.35 để quản lý, sử dụng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSST ngày 23/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định: Tuyên bố: Các bị cáo Nông Văn L, Nông Văn H, H T đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nông Văn H 42 tháng tù. Tổng hợp với 14 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bản án số 210/2022/HSST ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 56 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/6/2022.

- Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Nông Văn L 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2022.

+ Xử phạt: bị cáo Hà Thành T 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, tại quyết định số 459/QĐ-VKS-P7 ngày 14/4/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên kháng nghị bản án sơ thẩm số 14/2023/HSST ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên về áp dụng pháp luật và hình phạt chính đối với các bị cáo Nông Văn L,

Nông Văn H, Hà Thành T, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án hình sự sơ thẩm nói trên của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên theo hướng áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với các bị cáo Nông Văn L, Nông Văn H, Hà Thành T.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên giữ nguyên nội dung, quyết định kháng nghị và bổ sung kháng nghị về phần nhân thân đối với bị cáo L, bị cáo L đã bị xét xử bằng 02 bản án, cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 01 bản án là không chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo L, H, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án đã mô tả.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nông Văn L, Nông Văn H, H Tân phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị cáo, lời khai của các bị hại, kết quả định giá tài sản và các tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án thì quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã sai lầm trong việc áp dụng pháp luật hình sự. Bởi lẽ: Trong vụ án này, các bị cáo đã có sự bàn bạc, thống nhất cùng thực hiện tội phạm từ trước, trong các ngày 10/6/2022 đến ngày 17/6/2022 các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 03 vụ, tổng trị giá các lần phạm tội là 227.320.000 đồng. Các bị cáo thực hiện nhiều hành vi phạm tội cùng loại, các lần phạm tội đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào trị giá tài sản đã bị chiếm đoạt của các bị hại, thì hành vi của các bị cáo Nông Văn L, Nông Văn H, H T phải bị xét xử với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự, với mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Cấp sơ thẩm áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự để xét xử đối với các bị cáo là chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, chưa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Mặt khác, các bị cáo phạm tội có tổ chức và phạm tội nhiều lần, đó là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo L và H giữ vai trò chính, bị cáo T đồng phạm với vai trò giúp sức, nên mức hình phạt của L và H cao hơn bị cáo T. Ngoài ra, các bị cáo dùng xà cày phá kết sắt của gia đình anh P và gia đình anh L2, với tổng trị giá tài sản hư hỏng là 930.000 đồng (chưa đủ yếu tố cấu thành tội cố ý làm hư hỏng hoặc hủy hoại tài sản). Cấp sơ thẩm đã cộng số tiền hư hỏng tài sản này để tính tổng số tiền các bị cáo trộm cắp là 228.250.000 đồng là không đúng, cấp phúc thẩm cần sửa lại trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt của 03 lần là 227.320.000 đồng và nhân thân bị cáo L đã bị xét xử

bằng 02 bản án số 40/HSST ngày 11/12/2014 và bản án số 06/HSST ngày 27/3/2015, cấp sơ thẩm xác định nhân thân bị cáo L có 01 bản án số 06/HSST là không chính xác. Cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSST ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nông Văn H từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Tổng hợp với 14 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bản án số 210/2022/HSST ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 08 năm 08 tháng đến 09 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/6/2022.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Nông Văn L từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2022.

+ Bị cáo Hà Thành T 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2022.

* Người bào chữa cho bị cáo L trình bày quan điểm bào chữa: Các bị cáo tổ chức thực hiện hành vi trộm cắp liên tục 03 lần với tổng số tiền là 227.320.000 đồng, với tổng số tiền như trên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định các bị cáo vi phạm vào điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là chưa chính xác. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt.

* Người bào chữa cho bị cáo T trình bày quan điểm bào chữa: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã sai lầm trong việc áp dụng pháp luật. Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội có tổ chức, có bàn bạc, phân công nhiệm vụ, phân chia số tiền chiếm đoạt được, các bị cáo phạm tội 03 lần liên tục, với tổng số tiền là 227.320.000 đồng, cấp sơ thẩm áp dụng điểm a, c khoản 2

Điều 173 Bộ luật hình sự để xét xử và quyết định hình phạt đối với các bị cáo là chưa chính xác. Phải xét xử các bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự mới đúng. Luật sư nhất trí với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, thành khẩn khai báo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận và giữ nguyên quan điểm nêu trên.

Các bị cáo không tranh luận gì. Bị cáo L và T nhất trí với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên, lời nói sau cùng bị cáo L và T xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về nhân thân đối với bị cáo Nông Văn N1: Bị cáo L đã bị Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai xét xử bằng 02 bản án số 40/HSST ngày 11/12/2014 và bản án số 06/HSST ngày 27/3/2015, cấp sơ thẩm xác định nhân thân bị cáo L có 01 bản án số 06/HSST là không chính xác. Cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2]. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên làm trong hạn luật định và đúng theo thủ tục tố tụng quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã kháng nghị và kết luận các bị cáo phạm tội với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng với tính chất vụ án và hành vi của các bị cáo.

Căn cứ lời khai của các bị cáo khai trong quá trình điều tra cũng như phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, lời khai của những người bị hại và các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do nghiện ma túy và không có tiền tiêu xài, nên khoảng đầu tháng 6 năm 2022 Nông Văn L, Nông Văn H và Hà Thành T cùng rủ nhau và bàn bạc thống nhất đi trộm cắp tài sản với hình thức phá kết sắt để trộm cắp tiền; trong đó phân công H, L là người chuẩn bị dụng cụ để phá kết sắt (mua thanh xà cày) và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, còn T đứng ngoài cảnh giới. Sau mỗi lần trộm cắp được tài sản thì sẽ được chia theo tỉ lệ: L, H mỗi người 40%, Tân 20% trên tổng số tài sản mỗi lần đã trộm cắp được. Trong thời gian từ ngày 10/6/2022 đến ngày 17/6/2022 các bị cáo Nông Văn L, Nông Văn H và Hà

Thành T đã 03 lần trộm cắp tài sản của người dân trên địa bàn huyện V theo kế hoạch đã bàn bạc, thống nhất từ trước. Cụ thể:

- *Lần thứ nhất:* Khoảng 09 giờ ngày 10/6/2022 tại nhà anh Hà Văn P và chị Nông Thị H2 ở xóm B, xã N, huyện V, L, H, T đã có hành vi lén lút phá kết sắt của anh P và chị H2 trộm cắp 21.000.000 đồng tiền Ngân hàng N2. Chiếc kết sắt bị hư hỏng trị giá 570.000 đồng.

- *Lần thứ hai:* Khoảng 15 giờ ngày 16/6/2022 tại nhà anh Triệu Tiến L1 và chị Bàn Thị Đ1 ở xóm K, xã V, huyện V các bị cáo L, H, T đã trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, Sirius, biển kiểm soát 20D1 - 105.35 trị giá 13.500.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSmart trị giá 1.550.000 đồng và số tiền 5.970.000 đồng tiền Ngân hàng N2. Tổng trị giá tài sản là 21.020.000 đồng.

- *Lần thứ ba:* Khoảng 9 giờ ngày 17/6/2022 tại nhà anh Triệu Xuân L2 và chị Lý Thị N ở xóm T, xã S, huyện V bị cáo L, H, T đã phá kết sắt trộm cắp số tiền 185.300.000 đồng tiền Ngân hàng N2. Chiếc kết sắt bị hư hỏng trị giá 360.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo trộm cắp 03 lần trên là 227.320.000 đồng.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử các bị cáo Nông Văn L, Nông Văn H, Hà Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội.

Các bị cáo dùng xà cày phá kết sắt của gia đình anh P trị giá thiệt hại là 570.000 đồng và phá kết sắt của gia đình anh L2 trị giá thiệt hại là 360.000 đồng. Tổng trị giá tài sản hư hỏng của 02 kết sắt là 930.000 đồng (chưa đủ yếu tố cấu thành tội cố ý làm hư hỏng hoặc hủy hoại tài sản), Tòa án cấp sơ thẩm đã cộng số tiền hư hỏng tài sản này để tính tổng số tiền các bị cáo trộm cắp là 228.250.000 đồng là không đúng. Cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo, lời khai của các bị hại, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra thì có đủ căn cứ xác định các bị cáo L, H, T đã có sự bàn bạc, thống nhất, phân công cùng thực hiện tội phạm từ trước. Trong các ngày 10/6/2022 đến ngày 17/6/2022 các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp liên tục 03 lần, (trị giá tài sản trộm cắp lần 1 là 21.000.000đồng, lần 2 là 21.020.000đồng, lần 3 là 185.300.000đồng), với tổng trị giá tài sản là 227.320.000 đồng. Các bị cáo thực hiện liên tục nhiều hành vi phạm tội cùng loại, các lần phạm tội đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi trộm cắp của các bị cáo Nông Văn L, Nông Văn H, H T phải bị xét xử với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản giá trị từ 200.000.000

đồng đến dưới 500.000.000 đồng” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai đã xét xử các bị cáo L, H, T theo điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị xét xử các bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét tính chất, vai trò, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm, xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo T có nhân thân tốt. Hai bị cáo H và L có nhân thân xấu. Các bị cáo đều khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Phạm tội có tổ chức” quy định tại điểm g, a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong vụ án, bị cáo L và H giữ vai trò chính, bị cáo T đồng phạm giúp sức giữ vai trò thứ yếu. Vì vậy khi lượng hình cần xem xét với mức án phù hợp với từng bị cáo. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với bị cáo H.

[5]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo L và T về mức hình phạt Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6]. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên bố: Các bị cáo Nông Văn L, Nông Văn H, H Tân phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nông Văn H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với 14 (mười bốn) tháng tù

về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bản án số 210/2022/HSST ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 08 (tám) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/6/2022.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Nông Văn L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2022.

- Bị cáo Hà T4 Tân 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2022.

Căn cứ vào Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo L và T mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- TAND huyện Võ Nhai;
- Công an huyện Võ Nhai;
- THADS huyện Võ Nhai;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhài